BÁO CÁO DIỆN TÍCH XÂY DỰNG NĂM HỌC 2017 - 2018

STT	NGÔI NHÀ	SỐ TẦNG	KẾT CẤU CHÍNH	TÌNH TRẠNG NHÀ	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (m2)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XD (m2)	CHIA RA (m^2)						
							Trụ sở LV	Công trình SN	SX, KD, DV	Cho thuê	Nhà ở	Sử dụng khác	Chưa sử dụng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Căn tin 1	1	BTCT	1997	173.6	173.6			173.6				
2	Căn tin 2	1		2014	169.0	169.0			169.0				
3	Giảng đường 1	1		1999	389.6	389.6		389.6					
4	Giảng đường 2	1		1986	428.4	428.4		428.4					
5	Giảng đường 5 + P. MT 1	1		2003	435.6	435.6		435.6					
6	Ký túc xá 1	3		1999	551.0	1,653.0		1,653.0					
7	Ký túc xá 2	5		2012	487.52	2,437.6							
8	Ký túc xá 3	3		2001	551.0	1,653.0		1,653.0					
9	Ký túc xá 4	5		2012	487.52	2,437.6							
10	Ký túc xá B	2		1986	813.0	1,626.0		1,626.0					
11	Nhà bảo vệ 1, 2	1		1999	27.2	27.2	27.2						
12	Nhà để xe CB.GV	1		2016	240.0	240.0							
13	Nhà để xe HSSV	1		2016	720.0	720.0							
14	Nhà để xe HSSV KTX	1		2010	144.0	144.0			144.0				
15	Nhà để xe ôtô	1		2010	60.4	60.4							
16	Nhà hiệu bộ	2		1991	365.3	730.6	730.6						
17	Nhà học A1	3		1997	726.6	2,179.8		2,179.8					
18	Nhà học A2	3		1989	530.0	1,590.0		1,590.0					
19	Nhà học A3	3		1969	616.1	1,848.3		1,848.3					
20	Nhà học A4	3		2009	341.0	1,023.0		1,023.0					
21	Nhà học A5	2		1985	324.0	648.0		648.0					
22	Nhà học A6	2		2010	386.4	772.8		772.8					

23	Nhà khách	3		2011	117.5	352.5							
24	Nhà thi đấu đa năng (cũ)	1		2001	824.0	824.0		824.0					
25	Nhà thi đấu đa năng (mới)	1		2011	1,680.0	1,680.0		1,680.0					
26	Nhà thí nghiệm I	2		2000	455.2	910.4		910.4					
27	Nhà thí nghiệm II	2		1999	455.2	910.4		910.4					
28	Nhà vận hành tháp nước	1		2000	23.9	23.9	23.9						
29	Phòng chờ Giáo viên	1		1999	148.5	148.5	148.5						
30	Phòng họp + Nhà khách	2		2000	218.7	437.4	468.9						
31	Phòng Quản lý đào tạo	2		2000	209.5	419.0	400.5						
32	Tổ GDTC - QP và P. MT 2	1		1969	435.6	435.6		435.6					
33	TT LKĐT - Tuyển sinh	2		2008	39.9	79.8	63.2						
34	Thư viện	2		1986	264.0	528.0		528.0					
35	Trường MGTH	2		1969	345.8	691.6		871.6					
36	Trường THTH	2		1969	585.2	1,170.4		1,170.4					
37	Văn phòng MGTH	1		1998	50.0	50.0	50.0						
38	Văn phòng THTH	1		1986	163.4	163.4	163.4						
39	VP Các khoa	2		2002	345.0	690.0	690.0						
	Tổng Cộng:				**15,155.0**	**30,902.4**	**2,766.2**	**21,577.9**	**486.6**		**0.0**		

Tổng diện tích dất : **52,441.8** m^2

Diện tích sàn xây dựng : **30,902.4** m^2

Tổng số học sinh chính quy: **5,899.0** HS

Diện tích được tính trên HS: **5.2** m^2

342.6

402

2,504.0

37286.80

44
32
37
113